TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: **11** /2023/ HNGĐ - ST
Ngày 18/ 4 / 2023
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Nguyễn Thị Bắc; 2. Ông Lã Văn Minh

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hoàng Thị Phượng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà***: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2022/TLST - HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXX- ST ngày 13 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/HNGGĐ-ST ngày 29/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1995
Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn*: Anh La Văn L, sinh năm 1989
Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

(Anh L vắng mặt không có lý do; Chị T có đơn xin xét xử mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo có trong hồ sơ nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh La Văn L vào tháng 01 năm 2014, trước khi cưới hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, hai gia đình tổ

chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện S. Cưới xong chị về nhà anh L ở làm dâu và sinh sống, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ năm 2018, do anh L không chịu làm ăn, hay rượu chè, chị khuyên bảo nhưng không nghe mà còn đánh đập vợ con và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là cháu La Thị Bảo N, sinh ngày 05/02/2015; hiện cháu đang ở cùng anh L. Nếu ly hôn chị xin nuôi cháu, về cấp dưỡng chị không có yêu cầu.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Bị đơn anh La Văn L hiện có mặt tại nơi cư trú nhưng cố tình vắng mặt; Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử giao cho gia đình anh L để anh L biết đến làm việc tại Tòa án; gia đình anh L đã giao và thông báo cho anh L biết nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh L.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định, bị đơn không chấp hành là vi phạm về nghĩa vụ.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị T và anh La Văn L được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu La Thị Bảo N, sinh ngày 05/02/2015; về cấp dưỡng chị T không có yêu cầu.

Về tài sản: Do đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết ly hôn với anh La Văn L; bị đơn anh La Văn L đang cư trú tại huyện Sơn Động. Xét đây là tranh chấp về ly hôn và con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn anh La Văn L vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T kết hôn với anh La Văn L vào tháng 01 năm 2014, trước khi cưới hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, hai gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện S số 02 ngày 06/01/2014. Cưới xong chị T về nhà anh L ở làm dâu và sinh sống, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ năm 2018, do vợ chồng không hợp nhau, bảo nhau trong việc làm ăn kinh tế không ai nghe ai nên hay cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở và đi làm công ty.

Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình"*.

Xét thấy: Chị T và anh L mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau và bảo nhau trong làm ăn không ai nghe ai nên vợ chồng hay cãi nhau; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Như vậy, chị T và anh L đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T, cho chị T và anh L được ly hôn nhau theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T, anh L có có 01 con chung là La Thị Bảo N, sinh ngày 05/02/2015, hiện nay cháu đang ở cùng anh L; nếu ly hôn chị T có nguyện vọng

được nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu đang ở cùng anh L, nhưng anh L thường xuyên vắng nhà và không có lời trình bày có nguyện vọng nuôi con hay không, chị T có nguyện vọng xin được nuôi con, cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ, chị T có đủ điều kiện nuôi con; do đó, cần giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng là hợp lý. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T khai là người dân tộc thiểu số (Mông), thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nhưng không nộp giấy tờ để chứng minh và không có đơn xin miễn án phí nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị L và anh La Văn L được ly hôn nhau.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu La Thị Bảo N, sinh ngày 05/02/2015; về cấp dưỡng chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; chị T được khấu trừ vào tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0015426, ngày 17 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động (Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã An Bá;
- Lưu **.**

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Toàn